

IMPACTS OF SOCIAL CAPITAL ON THE TAX COMPLIANCE BEHAVIOR OF ENTERPRISES IN NINH THUAN PROVINCE

Ha Thi Huong¹, Nguyen Ngoc Thuy^{2*}

¹Tax Department Ninh Phuoc - Thuan Nam Zone

²Nong Lam University - Ho Chi Minh City

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	31/5/2021	The purpose of this article is to analyze the current status of social capital factors and to measure their impacts on the tax compliance behavior of enterprises, thereby proposing solutions to improve the tax compliance behavior of enterprises in Ninh Thuan province. The study uses qualitative method such as expert interview in combination with quantitative analysis though reliability testing (Cronbach's Alpha), exploratory factor analysis (EFA) and regression analysis with data collected from a survey of 200 random enterprises in Ninh Thuan province. The results show that the social capital components that affect the tax compliance behavior include 5 factors: Characteristics of business owners; Trust; Social networks; Social norm; Mutual support. From the research results, the author also offers some solutions such as: increasing the trust of businesses; improving tax knowledge, awareness of business owners about tax compliance; helping, sharing information reciprocity in social networks to improve tax compliance behavior in Ninh Thuan province.
Revised:	22/6/2021	
Published:	25/6/2021	
KEYWORDS		
Social Capital		
Tax Compliance		
EFA		
Enterprise		
Ninh Thuan		

TÁC ĐỘNG CỦA VỐN XÃ HỘI ĐẾN HÀNH VI TUÂN THỦ THUẾ CỦA DOANH NGHIỆP TẠI TỈNH NINH THUẬN

Hà Thị Hương¹, Nguyễn Ngọc Thùy^{2*}

¹Chi cục Thuế khu vực Ninh Phước - Thuận Nam

²Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	31/5/2021	Bài viết được thực hiện nhằm phân tích thực trạng các yếu tố vốn xã hội và tác động của chúng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp tại tỉnh Ninh Thuận. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính bằng cách phỏng vấn chuyên gia kết hợp với nghiên cứu định lượng thông qua kiểm định độ tin cậy thang đo (Cronbach's Alpha), EFA và phân tích mô hình hồi quy tuyến tính với dữ liệu từ khảo sát ngẫu nhiên 200 doanh nghiệp tại tỉnh Ninh Thuận. Kết quả cho thấy các yếu tố vốn xã hội tác động đến hành vi tuân thủ thuế bao gồm 5 yếu tố: Đặc điểm của chủ doanh nghiệp; Niềm tin; Các mạng lưới xã hội; Chuẩn mực xã hội; Sự tương trợ. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả cũng đưa ra các một số giải pháp như: gia tăng sự tin tưởng của doanh nghiệp; nâng cao kiến thức về thuế, nhận thức của chủ doanh nghiệp về tuân thủ thuế; giúp đỡ, chia sẻ thông tin qua lại lẫn nhau trong các mạng lưới xã hội để nâng cao hành vi tuân thủ thuế tại tỉnh Ninh Thuận.
Ngày hoàn thiện:	22/6/2021	
Ngày đăng:	25/6/2021	
TỪ KHÓA		
Vốn xã hội		
Tuân thủ thuế		
EFA		
Doanh nghiệp		
Ninh Thuận		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4572>

* Corresponding author. Email: nnthuy@hcmuaf.edu.vn

1. Giới thiệu

Hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp (DN) luôn là vấn đề được các cơ quan quản lý thuế đặc biệt quan tâm, đặc biệt trong bối cảnh DN được trao quyền tự chủ thực hiện cơ chế tự khai, tự tính, tự nộp và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khoản kê khai của mình nâng cao trách nhiệm của mỗi DN đối với nhà nước. Chính vì vậy sẽ thuận lợi và tiết kiệm chi phí hơn nếu việc tuân thủ thuế có thể đạt được trên cơ sở tự nguyện của các DN này hơn là sử dụng những hình thức đe dọa bằng công cụ xử phạt và cưỡng chế.

Vốn xã hội được xem như là các thể chế, quy tắc và mạng lưới thúc đẩy sự hợp tác và dẫn đến hành động tập thể. Theo Ajzen (1991) [1], người đề xuất lý thuyết hành vi dự định cho rằng vốn xã hội tác động vào hành vi tuân thủ thuế của DN bởi vì một số lý do sau: Thứ nhất, khi bàn về vốn xã hội, người ta thường đề cập đến lòng tin và quan hệ có đi có lại trong các mạng lưới xã hội (MLXH). Thực ra, hàng ngày chúng ta tạo dựng, duy trì và vận dụng vốn xã hội để tìm kiếm những lợi ích nhất định trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Thứ hai, MLXH với tư cách là cấu trúc xã hội bao gồm các mối tương tác xã hội và trao đổi xã hội, trong đó hệ các giá trị, chuẩn mực và niềm tin được hình thành biểu lộ. Nhờ vậy, các thành viên của MLXH đều chia sẻ trách nhiệm, nghĩa vụ và có những lợi ích ràng buộc lẫn nhau khi theo đuổi những mục đích của họ. Như vậy phải chăng vốn xã hội làm cho việc phổ biến chính sách thuế được đến DN một cách nhanh chóng và chính xác hơn và DN buộc phải tự nguyện tuân thủ thuế mà chưa cần đến các biện pháp chế tài của chính phủ? Hơn nữa, vốn xã hội là thiết chế xã hội không những có chức năng gắn kết xã hội mà còn có chức năng cung cấp thông tin chính xác, cần thiết và nhờ vậy mà góp phần làm giảm các chi phí giao dịch cho các bên tham gia mạng lưới. Cuối cùng, tuân thủ thuế không chỉ hoàn toàn là một quá trình tự thân mà trái lại nó còn chịu tác động từ các yếu tố bên ngoài. Các mô hình truyền thống rắn đẽ không thể giải thích lý do tại sao mọi người chọn tự nguyện tuân thủ các quy định về thuế thông qua sức mạnh và niềm tin trong chính quyền với sự trợ giúp của họ.

Phan Thị Mỹ Dung và Lê Quốc Hiếu (2015) [2], với nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tuân thủ thuế của các DN tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến tuân thủ thuế của các DN tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: đặc điểm DN, ngành nghề kinh doanh của DN, cảm nhận chất lượng dịch vụ thuế, chất lượng quản trị công, cấu trúc hệ thống thuế, yếu tố về kinh tế, chuẩn mực xã hội. Tương tự, Bùi Ngọc Toàn (2017) [3] đã tiến hành một nghiên cứu thực nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN). Kết quả cho thấy biểu hiện của sự tuân thủ thuế của các DN là luôn khai báo chính xác các khoản thu nhập chịu thuế TNDN, thanh toán các khoản thuế TNDN đúng hạn và hoàn toàn tuân thủ trong kê khai thuế TNDN. Qua phương pháp điều tra khảo sát kết hợp phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích mô hình hồi quy bội tác giả đã chỉ ra rằng các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế TNDN tại TP. Hồ Chí Minh bao gồm: đặc điểm hoạt động của DN, đặc điểm tâm lý của DN, đặc điểm ngành, yếu tố xã hội, yếu tố kinh tế, yếu tố pháp luật và chính sách, yếu tố đặc điểm cơ quan thuế.

Jimenez và Iyer (2016) [4] nghiên cứu ảnh hưởng của các chuẩn mực xã hội, niềm tin vào chính phủ và nhận thức sự công bằng đối với sự tuân thủ của người nộp thuế (NNT). Nghiên cứu chỉ ra rằng việc tuân thủ thuế tự nguyện rất quan trọng và tiết kiệm chi phí hơn đối với các chính phủ trên toàn thế giới. Các phương pháp truyền thống để cải thiện tuân thủ thuế, chẳng hạn như tăng kiểm toán, để thực hiện thì rất tốn kém. Thông qua mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM), nghiên cứu này kết luận rằng các chuẩn mực xã hội ảnh hưởng gián tiếp đến các ý định tuân thủ thông qua nội bộ hóa như định mức cá nhân. Bên cạnh đó, niềm tin vào chính phủ có ảnh hưởng đáng kể đến cả sự công bằng nhận thức của hệ thống thuế và các quyết định tuân thủ. Nghiên cứu này có thể giúp các cơ quan thuế phát triển các chiến lược ít tốn kém và hiệu quả hơn để tăng sự tuân thủ của NNT.

Kostritsa và Sittler (2017) [5] đã nghiên cứu tác động của các chuẩn mực xã hội, sự tin tưởng và sự công bằng (vốn xã hội) đối với việc tuân thủ thuế tự nguyện ở Áo. Thông qua khảo sát 333 NNT ở Áo, nghiên cứu chỉ ra rằng một trong những tiêu chuẩn đạo đức (chuẩn mực cá nhân) và nhận thức được sự công bằng ảnh hưởng trực tiếp đến việc tuân thủ thuế tự nguyện, trong khi đó các chuẩn mực xã hội và niềm tin vào chính phủ có tác động gián tiếp đến việc tuân thủ thuế.

Chircop và cộng sự (2018) [6] đã nghiên cứu về việc vốn xã hội tác động đến việc tránh thuế (không tuân thủ thuế) như thế nào? Tác giả đã sử dụng bộ dữ liệu công khai từ Trung tâm Phát triển Nông thôn Vùng Đông Bắc tại Đại học Pennsylvania với một mẫu cỡ lớn (52.962 quan sát của 05 DN trong giai đoạn 1990-2014) để điều tra thực nghiệm mối quan hệ giữa vốn xã hội và tránh thuế. Tác giả sử dụng mô hình bình phương tối thiểu thông thường đa biến và kết quả ghi nhận rằng các công ty có trụ sở tại các khu vực có mức độ tin cậy và lòng vị tha cao tham gia ít hơn vào các hoạt động tránh thuế, nghiên cứu này chứng thực ý tưởng rằng việc trả một số tiền thuế hợp lý được coi là có trách nhiệm với xã hội.

Dựa trên cơ sở các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước nói trên, mục tiêu của nghiên cứu thực nghiệm này nhằm phân tích nguồn vốn xã hội của các DN ở Ninh Thuận cũng như tác động của nó đến hành vi tuân thủ thuế. Từ đó, bài báo đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hành vi tuân thủ thuế của DN thông qua việc việc nâng cao nguồn vốn xã hội.

2. Phương pháp nghiên cứu

Số liệu điều tra theo phương pháp ngẫu nhiên thuận tiện 200 DN tại tỉnh Ninh Thuận bằng bảng câu hỏi soạn sẵn. Thống kê mô tả được sử dụng để mô tả những đặc tính cơ bản của dữ liệu thu thập từ nghiên cứu thực nghiệm. Các thang đo được kế thừa từ các nghiên cứu trước kết hợp xây dựng, sử dụng thang đo Likert với 5 mức. Kết quả khảo sát được sử dụng để đánh giá và kiểm định mô hình thang đo, mô hình nghiên cứu, các giả thuyết nghiên cứu. Nghiên cứu thực hiện kiểm định qua 2 bước: Đánh giá độ tin cậy các thang đo bằng chỉ số $0,6 \leq \text{Cronbach Alpha} \leq 0,96$ và phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis), sử dụng phương pháp phân tích yếu tố chính (trích hệ số Principal axis factoring) với phép xoay Promax và điểm dừng Eigenvalue là 1, thang đo đạt khi tổng phương sai trích $\geq 50\%$ và KMO $> 0,5$. Mặt khác, phân tích hồi quy tuyến tính được sử dụng nhằm xác định mức độ tác động của các yếu tố vốn xã hội đến hành vi tuân thủ thuế của DN tại tỉnh Ninh Thuận. Hệ số R^2 đã được hiệu chỉnh (adjusted R square) cho biết mô hình hồi quy được xây dựng phù hợp đến mức nào.

Mô hình cụ thể có dạng: $Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + e_i$

Bảng 1. Kỳ vọng dấu của các biến độc lập

TT	Tên biến	Mã hóa	Kỳ vọng dấu
1	Đặc điểm của chủ DN	DD	+
2	Chuẩn mực xã hội	CM	+
3	Niềm tin	NT	+
4	Các mạng lưới xã hội	ML	+
5	Sự tương hỗ	TH	+

Giả thuyết nghiên cứu:

H1 (+): Nếu DN nhận thức tốt về việc tuân thủ thuế, về công bằng xã hội thì họ sẽ có xu hướng tuân thủ thuế tốt. Do đó kỳ vọng đặc điểm của chủ DN tác động cùng chiều với hành vi tuân thủ thuế của DN. Nhóm nhân tố này được đo lường bởi các biến đã được mã hóa như sau: DD1, DD2, DD3, DD4, DD5.

H2 (+): Nếu việc áp dụng các chuẩn mực xã hội vào tuân thủ thuế hay tuân thủ thuế được đưa vào trong các chuẩn mực xã hội một cách cụ thể và sát với thực tế thì DN sẽ thúc đẩy hành vi tuân thủ thuế. Do đó kỳ vọng chuẩn mực xã hội tác động cùng chiều với hành vi tuân thủ thuế của DN. Nhóm nhân tố này được đo lường bởi các biến đã được mã hóa như sau: CM1, CM2, CM3, CM4, CM5, CM6.

H3 (+): Nếu các chủ thể trong mạng lưới có lòng tin với nhau trong việc tuân thủ thuế thì DN sẽ tuân thủ thuế tốt hơn. Do đó kỳ vọng niềm tin tác động cùng chiều với hành vi tuân thủ thuế của DN. Nhóm nhân tố này được đo lường bởi các biến đã được mã hóa như sau: NT1, NT2, NT3, NT4, NT5, NT6.

H4 (+): Nếu DN có nhiều MLXH và có chất lượng thì sẽ tuân thủ thuế tốt. Do đó kỳ vọng các MLXH tác động cùng chiều với hành vi tuân thủ thuế của DN. Nhóm nhân tố này được đo lường bởi các biến đã được mã hóa như sau: ML1, ML2, ML3, ML4, ML5, ML6, ML7, ML8.

H5 (+): Nếu các DN nhận được sự hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau giữa các chủ thể trong MLXH thì sẽ tuân thủ thuế tốt hơn. Do đó kỳ vọng sự tương hỗ tác động cùng chiều với hành vi tuân thủ thuế của DN. Nhóm nhân tố này được đo lường bởi các biến đã được mã hóa như sau: TH1, TH2, TH3, TH4, TH5.

H6 (+): Nhóm nhân tố này được đo lường bởi các biến đã được mã hóa như sau: TT1, TT2, TT3, TT4, TT5.

Như vậy có tổng cộng 35 biến quan sát liên quan đưa vào khảo sát để đo lường 6 yếu tố. Trong đó 5 yếu tố độc lập có 30 biến quan sát và 1 yếu tố phụ thuộc có 5 biến. Để đo lường các biến này tác giả sử dụng thang đo Likert 5 điểm, từ 1 đến 5, cụ thể: “1: hoàn toàn không tuân thủ”; “2: Không tuân thủ”; “3: Không ý kiến”; “4: Tuân thủ”; “5: Hoàn toàn tuân thủ”.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Phân tích tác động của các yếu tố vốn xã hội đến hành vi tuân thủ thuế của DN tại tỉnh Ninh Thuận

Bảng 2. Bảng thống kê mô tả

Tên biến	N	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
DD1	200	1	5	3,53	0,769
DD2	200	1	5	3,61	0,813
DD3	200	1	5	4,20	0,908
DD4	200	1	5	4,43	0,823
DD5	200	2	5	4,41	0,765
NT1	200	1	5	4,16	0,923
NT2	200	1	5	3,62	0,794
NT3	200	1	5	2,81	0,999
NT4	200	1	5	3,53	0,844
NT5	200	1	5	3,52	0,844
NT6	200	1	5	3,53	0,862
ML1	200	1	5	3,47	0,902
ML2	200	1	5	2,76	0,948
ML3	200	1	5	3,64	0,737
ML4	200	1	5	4,19	0,957
ML5	200	1	5	3,44	0,895
ML6	200	1	5	2,97	1,086
ML7	200	1	5	3,51	0,919
ML8	200	2	5	3,50	0,601
CM1	200	1	5	2,74	0,942
CM2	200	1	5	2,73	0,901
CM3	200	1	5	4,13	0,989
CM4	200	1	5	3,48	0,820
CM5	200	2	5	3,74	0,569
CM6	200	1	5	4,20	0,972
TH1	200	1	5	3,55	0,831
TH2	200	1	5	4,19	0,999
TH3	200	1	5	3,47	0,808
TH4	200	1	5	3,49	0,891
TH5	200	1	5	4,24	0,947
TT1	200	2	5	3,58	0,732
TT2	200	1	5	3,53	0,756
TT3	200	1	5	3,59	0,689
TT4	200	2	5	3,54	0,722
TT5	200	1	5	3,53	0,756

(Nguồn: Phân tích và tổng hợp, 2020)

Kết quả thống kê mô tả thang đo các yếu tố vốn xã hội ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của DN tại tỉnh Ninh Thuận cho thấy thái độ của DN đối với từng yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của DN tại tỉnh Ninh Thuận. Giá trị trung bình của các tiêu chí dao động từ 2,73 đến 4,43. Trong đó biến DD4 có giá trị lớn nhất, có nghĩa là các câu trả lời của đáp viên hoàn toàn đồng ý với quan điểm khi chủ DN nhận thấy sự công bằng trong khoản tiền thuế phải đóng so với các DN khác thì càng tuân thủ thuế. Biến có giá trị thấp nhất là CM2 có giá trị là 2,73 điều này có nghĩa là các đáp viên không đồng tình với quan điểm của biến CM2 có nghĩa là chưa chắc số lượng các quy tắc, chuẩn mực chế tài tồn tại trong các mối quan hệ xã hội càng nhiều thì càng ràng buộc và càng tuân thủ thuế.

Bảng 3. Kết quả kiểm định thang đo

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến - tổng	Alpha nếu loại biến
Đặc điểm của chủ DN: Cronbach's Alpha = 0,841				
DD1	16,65	6,964	0,655	0,807
DD2	16,57	6,810	0,647	0,809
DD3	15,98	6,517	0,620	0,819
DD4	15,75	6,832	0,629	0,814
DD5	15,77	6,864	0,690	0,798
Niềm tin: Cronbach's Alpha = 0,843				
NT1	16,97	11,025	0,599	0,823
NT2	17,52	11,453	0,644	0,815
NT3	18,34	10,831	0,574	0,830
NT4	17,62	11,076	0,675	0,808
NT5	17,61	11,471	0,588	0,824
NT6	17,61	10,976	0,676	0,807
Các mạng lưới xã hội (lần 1): Cronbach's Alpha = 0,757				
ML1	24,00	13,995	0,593	0,705
ML2	24,72	14,335	0,498	0,722
ML3	23,83	15,468	0,483	0,728
ML4	23,29	14,567	0,456	0,731
ML5	24,03	16,562	0,199	0,775
ML6	24,51	15,307	0,274	0,772
ML7	23,96	13,440	0,672	0,688
ML8	23,98	15,562	0,609	0,717
Các mạng lưới xã hội (lần 2): Cronbach's Alpha = 0,803				
ML1	17,59	8,957	0,640	0,753
ML2	18,31	9,351	0,513	0,785
ML3	17,43	10,185	0,531	0,779
ML4	16,88	9,584	0,461	0,798
ML7	17,55	8,570	0,709	0,735
ML8	17,57	10,638	0,568	0,778
Các chuẩn mực xã hội: Cronbach's Alpha = 0,827				
CM1	18,29	10,398	0,561	0,808
CM2	18,30	10,281	0,623	0,793
CM3	16,90	10,241	0,549	0,812
CM4	17,56	10,459	0,671	0,785
CM5	17,29	12,036	0,591	0,809
CM6	16,82	9,920	0,652	0,787
Sự tương hỗ: Cronbach's Alpha = 0,849				
TH1	15,39	8,380	0,725	0,802
TH2	14,75	7,847	0,663	0,818
TH3	15,47	8,833	0,640	0,823
TH4	15,45	8,188	0,701	0,806
TH5	14,70	8,462	0,581	0,839

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến - tổng	Alpha nếu loại biến
Tuần thủ thuế: Cronbach's Alpha = 0,822				
TT1	14,19	5,247	0,607	0,790
TT2	14,24	5,028	0,654	0,775
TT3	14,18	5,374	0,616	0,787
TT4	14,23	5,261	0,615	0,787
TT5	14,23	5,223	0,586	0,796

Kết quả kiểm định thang đo cho thấy các biến độc lập và phụ thuộc có Cronbach anpha > 0,6.

Điều này chứng tỏ thang đo lường không những đủ điều kiện yêu cầu về độ tin cậy mà còn cho ta thấy các biến quan sát của nhân tố đáng tin cậy và độ tương quan chặt chẽ giữa các biến quan sát trong cùng một nhân tố.

Bảng 4. Kết quả phân tích EFA

Ma trận xoay thành phần						
Nhân tố	Biến quan sát	Nhân tố				
		1	2	3	4	5
NT	NT2	0,771				
	NT4	0,760				
	NT6	0,729				
	NT1	0,718				
	NT5	0,697				
	NT3	0,623				
TH	TH4		0,790			
	TH2		0,760			
	TH1		0,757			
	TH5		0,727			
	TH3		0,727			
DD	DD1			0,786		
	DD5			0,744		
	DD4			0,711		
	DD2			0,700		
	DD3			0,693		
CM	CM2				0,761	
	CM4				0,741	
	CM6				0,701	
	CM3				0,695	
	CM1				0,670	
ML	ML7					0,764
	ML3					0,759
	ML1					0,694
	ML4					0,640
	ML2					0,638

(Nguồn: Phân tích và tổng hợp, 2020)

Kết quả phân tích EFA cho trị số KMO = 0,869, chứng tỏ điều kiện để phân tích nhân tố là phù hợp với tập dữ liệu nghiên cứu; phương sai trích 59,526% > 50%, chứng tỏ 59,526% biến thiên của dữ liệu được giải thích bởi 5 nhân tố. Eigenvalue = 1,497 > 1 tại nhân tố thứ 5, như vậy 5 nhân tố rút trích được từ EFA có ý nghĩa tóm tắt thông tin các biến quan sát đưa vào là tốt nhất. Và ma trận xoay thành phần các nhân tố đảm bảo các biến cùng một nhóm nhân tố ở cùng một cột và hệ số tải nhân tố đều > 0,4, điều này cho thấy rằng các biến quan sát đều thể hiện được mối ảnh hưởng với các yếu tố mà biến này biểu diễn.

3.2. Kiểm định hệ số hồi quy

Kết quả kiểm định cho thấy hệ số R^2 (R Square) trong mô hình này là 0,697. Điều này nói lên độ thích hợp của mô hình là 69,7%. Từ kiểm định Phân tích ANOVA cho thấy thông số F có $\text{Sig.} < 0,05$ chứng tỏ rằng mô hình hồi quy xây dựng được là phù hợp với bộ dữ liệu thu thập được. Hay nói cách khác, các biến độc lập có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc với mức độ tin cậy 95%.

Kết quả phân tích Stepwise cũng cho thấy hệ số phóng đại phương sai (VIF) đều < 10 , như vậy mô hình đảm bảo không có hiện tượng đa cộng biến giữa các biến độc lập.

Bảng 5. Kết quả phân tích kiểm định hệ số hồi quy

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	VIF
	B	Sai số chuẩn	Beta (β)			
Hằng số	-0,118	0,180		-0,657	0,512	1,414
Niềm tin (X_1)	0,304	0,040	0,359	7,630	0,000	1,351
Chuẩn mực (X_2)	0,100	0,037	0,124	2,709	0,007	1,267
Các MLXH (X_3)	0,095	0,038	0,111	2,484	0,014	1,531
Đặc điểm của chủ DN (X_4)	0,299	0,043	0,341	6,978	0,000	1,414
Sự tương hỗ (X_5)	0,189	0,036	0,239	5,248	0,000	1,351
$R = 0,835^a$						
$R \text{ square} = 0,697$						

(Nguồn: Phân tích và tổng hợp, 2020)

Mô hình hồi quy được thể hiện như sau:

$$Y = 0,359X_1 + 0,124X_2 + 0,111X_3 + 0,341X_4 + 0,239X_5 + e_i$$

Kết quả hồi quy cũng cho ta thấy mức độ tác động của các biến độc lập lên biến phụ thuộc có giá trị giảm dần như sau: niềm tin (0,359) > đặc điểm của chủ DN (0,341) > sự tương hỗ (0,239) > chuẩn mực xã hội (0,124) > các MLXH (0,111).

3.3. Thảo luận đề xuất giải pháp

3.3.1. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Qua khảo sát 200 DN tại Ninh Thuận; nghiên cứu đã xác định được 5 yếu tố vốn xã hội tác động đến hành vi tuân thủ thuế của DN tại tỉnh Ninh Thuận “Niềm tin”, “Đặc điểm của chủ DN”, “Sự tương hỗ”, “Chuẩn mực xã hội”, “Các mạng lưới xã hội” phù hợp với lý thuyết và đúng với kỳ vọng của nghiên cứu.

Với nhóm nhân tố niềm tin, theo kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm nhân tố này được các DN đồng tình rằng nó có tác động mạnh nhất đến hành vi tuân thủ thuế của DN. Cụ thể: khi ta cải thiện, gia tăng niềm tin của DN đối với các chủ thể trong mạng lưới 1 đơn vị thì việc tuân thủ thuế của DN tại Ninh Thuận sẽ cải thiện thêm 0,359 đơn vị. Do đó, muốn nâng cao hành vi tuân thủ thuế của DN thì cần phải tập trung vào việc làm sao để tạo niềm tin của DN với chính phủ, cơ quan thuế, các tổ chức, các hiệp hội ngành nghề các nhóm đối tác mà DN tham gia.

Với nhóm nhân tố đặc điểm chủ DN được xếp thứ hai trong sự lựa chọn của các DN trong việc tác động của vốn xã hội đến hành vi tuân thủ thuế của DN tại Ninh Thuận. Điều này chứng tỏ bên cạnh những yếu tố bên ngoài không thể phủ nhận tầm quan trọng của ý thức thuế, chuẩn mực cá nhân của chính chủ DN bởi vì, họ luôn là người quyết định mọi vấn đề của DN. Kết quả phân tích cũng cho thấy tầm quan trọng của các biến: nhận thức công bằng và kiến thức về thuế của chủ DN đối với việc tuân thủ thuế. Chỉ cần tăng cường nhận thức, trau dồi thêm kiến thức thuế cho chủ DN hay nói cách khác khi tăng ý thức thuế lên 1 đơn vị thì ta cũng có thể cải thiện được hành vi tuân thủ thuế lên 0,341 đơn vị. Do đó, muốn nâng cao hành vi tuân thủ thuế cần phải nâng cao ý thức thuế, đạo đức thuế trong mỗi người chủ DN.

Với nhóm nhân tố sự tương hỗ: Một yếu tố vốn xã hội cũng góp phần không kém quan trọng cho hành vi tuân thủ thuế của DN tại Ninh Thuận đó là sự tương hỗ. Chỉ cần gia tăng 1 đơn vị sự

giúp đỡ, trao đổi qua lại lẫn nhau thì hành vi tuân thủ thuế sẽ được cải thiện thêm 0,239 đơn vị. Tại bất cứ một DN nào cũng vậy, mục tiêu lợi ích luôn được DN tận dụng triệt để. Khi DN tham gia vào một MLXH nào mà đem lại lợi ích cho họ thì sẽ gắn kết các thành viên trong mạng lưới với nhau hơn. Chính vì vậy muốn nâng cao được hành vi tuân thủ thuế thì chính các chủ thể trong mạng lưới xã hội phải chứng minh cho DN thấy họ được hỗ trợ, chia sẻ những điều tốt đẹp khi tham gia vào các MLXH đó.

Với nhóm nhân tố chuẩn mực xã hội: Dù ở bất cứ một xã hội nào cũng vậy, bên cạnh luật pháp còn có các quy tắc, chuẩn mực xã hội. Người Việt Nam hay có câu “Phép vua còn thua lệ làng”. Mô hình nghiên cứu tại Ninh Thuận cho thấy khi các chuẩn mực xã hội tác động 1 đơn vị thì hành vi tuân thủ thuế thay đổi 0,124 đơn vị. Đôi khi các tác động từ xã hội lại có tác động mạnh mẽ hơn là pháp luật do giảm được chi phí và tốc độ lan truyền nhanh hơn. Tuy nhiên, tại Ninh Thuận thì biến này chưa có ảnh hưởng đáng kể, có thể là do các tổ chức, cộng đồng chưa phát huy hết lợi thế của mình, chưa tạo niềm tin cho DN, chưa có sức ảnh hưởng mạnh mẽ. Đây cũng chính là điểm hạn chế của cộng đồng.

Với nhóm nhân tố MLXH: DN luôn tồn tại và phát triển trong các mối quan hệ. Khi tham gia vào các mạng lưới xã hội DN sẽ nhận được sự chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng và chính xác nhất, hạn chế việc sai sót trong kê khai thuế. Tuy nhiên, tại Ninh Thuận biến độc lập này ảnh hưởng không đáng kể khi có thêm 1 đơn vị MLXH chỉ dẫn đến sự thay đổi 0,111 đơn vị tuân thủ thuế. Như vậy, biến này là một biến có ảnh hưởng nhưng không ảnh hưởng đáng kể hoặc có thể ảnh hưởng gián tiếp thông qua các biến khác.

3.3.2. Đề xuất giải pháp

- Nâng cao niềm tin của DN: Xây dựng một hệ thống chính sách thuế phải thực sự đảm bảo bình đẳng, công bằng xã hội về nghĩa vụ thuế. Chẳng hạn khi thực hiện chính sách ưu đãi về thuế thu nhập DN thì phải đồng bộ cho tất cả các DN tạo niềm tin cho DN an tâm sản xuất kinh doanh. Mặt khác cũng cần phải tạo niềm tin cho DN thông qua uy tín, và những lợi ích tốt đẹp được tạo ra từ các chủ thể khác cho DN trong các mối quan hệ.

- Cải thiện nhận thức về nghĩa vụ thuế cho chủ DN: thông qua việc tăng cường giáo dục kiến thức thuế cho DN đặc biệt là giáo dục kiến thức cho những người làm công tác kê khai, quyết toán thuế của DN. Từ nhận thức đúng đắn sẽ đi đến hành động đúng đắn.

- Thông qua cộng đồng, xã hội nơi cư trú áp dụng các quy tắc, chuẩn mực xã hội vào trong DN như: Nhà nước và các tổ chức xã hội cần có chính sách khen thưởng, công khai tuyên dương DN tự nguyện nộp thuế đúng hạn và đầy đủ, đồng thời cần có biện pháp chế tài và mức phạt và nêu gương đối với các hành vi cố tình trốn thuế, gian lận thuế để tạo ý thức tự giác, xấu hổ khi làm chuyện xấu. Lồng ghép các chuyên đề về trốn thuế, gian lận thuế trong các buổi sinh hoạt trong cộng đồng. Các chuẩn mực xã hội, quy tắc ứng xử trong xã hội cần phải thiết thực và gần gũi với đời sống dân sự hơn nữa, để việc áp dụng các chuẩn mực xã hội không bị xa rời thực tế và pháp luật của nhà nước.

Chính vì vậy, DN cần phải thường xuyên tham gia vào các hiệp hội ngành nghề, có quan hệ tốt với nhân viên, với cơ quan thuế. Thường xuyên tiếp xúc, trao đổi để tạo sự tin tưởng, thân mật với các chủ thể khác trong mối quan hệ. Từ đó thường xuyên cập nhật, chia sẻ các thông tin về chính sách thuế từ các kênh này.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Nhìn chung, đa số các đối tượng khảo sát đồng tình với năm nhân tố vốn xã hội tác động đến hành vi tuân thủ thuế của DN tại Ninh Thuận. Trong năm nhóm nhân tố thì nhân tố niềm tin được các đối tượng khảo sát cho rằng có tác động nhiều nhất đến hành vi tuân thủ thuế của DN. Điều này chứng tỏ rằng, nếu chính phủ muốn nâng cao hành vi tuân thủ thuế của DN thì cần phải gia

tăng niềm tin của DN vào chính phủ, vào hệ thống cơ quan thuế, cũng như các tổ chức, các hiệp hội ngành nghề các nhóm đối tác mà DN tham gia.

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng niềm tin, nhận thức về công bằng, các chuẩn mực cá nhân (tiêu chuẩn đạo đức) có ảnh hưởng đáng kể và trực tiếp đến tuân thủ thuế, còn các chuẩn mực xã hội, các MLXH ảnh hưởng gián tiếp đến hành vi tuân thủ thuế, giống [4], [6]. Trong khi đó [5] lại cho rằng các chuẩn mực xã hội và niềm tin vào chính phủ có tác động gián tiếp đến việc tuân thủ thuế.

4.2. Kiến nghị

Để hoàn thiện công tác quản lý thuế đạt hiệu quả, tác giả đề xuất một số kiến nghị sau đây:

Đối với Chính phủ, văn bản hướng dẫn chính sách thuế phải nhất quán, đồng bộ, rõ ràng; xây dựng các quy trình quản lý thu thuế theo mô hình chức năng, tránh chồng chéo gây bất bình trong cộng đồng DN.

Đối với cơ quan thuế cần tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến chính sách thuế, đối thoại, gặp gỡ, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho các đối tượng nộp thuế, cung cấp dịch vụ thuế cho DN một cách tốt nhất, thực sự coi người nộp thuế là người bạn đồng hành.

Đối với các tổ chức, hội nhóm thường xuyên cập nhật, chia sẻ kiến thức thuế cũng như lồng ghép các chuyên đề về kê khai, kế toán thuế trong các buổi sinh hoạt để các DN có thể nắm bắt nhanh và rộng rãi hơn.

4.3. Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Mặc dù bài báo đã giải quyết được các mục tiêu nghiên cứu, tuy nhiên do hạn chế về điều kiện nghiên cứu, bài báo vẫn không tránh khỏi những hạn chế sau:

Một là, phạm vi nghiên cứu chỉ giới hạn đối với các DN tại tỉnh Ninh Thuận và số liệu thu thập được lấy từ điều tra chọn mẫu 200 DN nên chưa bao quát được hết các trường hợp, các giải pháp đưa ra có thể chỉ phù hợp tại tỉnh Ninh Thuận.

Hai là kết quả nghiên cứu chỉ giải thích được 58,9% giá trị biến thiên của biến ảnh hưởng đến tuân thủ thuế. Điều này chứng tỏ còn có nhiều yếu tố khác tác động đến việc tuân thủ thuế của DN mà nghiên cứu chưa đề cập đến cụ thể như yếu tố đặc điểm ngành nghề, loại hình kinh doanh của DN... bởi vì mỗi loại hình DN, mỗi ngành nghề kinh doanh sẽ có các đặc điểm riêng tác động đến hành vi tuân thủ thuế của DN.

Cuối cùng, qua việc đúc kết những hạn chế của nghiên cứu, định hướng các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng nội dung nghiên cứu tác động của các yếu tố kinh tế hoặc yếu tố đặc điểm DN đến hành vi tuân thủ thuế của DN hoặc phân tích về tác động của vốn xã hội đến hành vi tuân thủ thuế ở các loại hình NNT khác như hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã...

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] I. Ajzen, *Attitudes, Personality and Behavior*. McGraw-Hill Education (UK), 2th ed., 2005.
- [2] T. M. D. Phan and Q. H. Le, "Factors affecting tax compliance of enterprises," (in Vietnamese), *Finance Magazine*, vol. 2, no. 07, pp. 11-16, 2015.
- [3] N. T. Bui, "Factors affecting corporate income tax compliance behavior- an empirical study in Ho Chi Minh City," (in Vietnamese), *Science Journal of Hue University: Economics and Development*, vol. 126, no. 5A, pp. 77-88, 2017.
- [4] P. Jimenez and G. S. Iyer, "Tax compliance in a social setting: The influence of social norms, trust in government, and perceived fairness on taxpayer compliance," *Advances in Accounting, Elsevier*, vol. 34(C), pp. 17-26, 2016.
- [5] J. Chricop, M. Fabrizi, E. Ipino, and Parbonetti, "Does social capital constrain firms' tax avoidance?," *The social responsibility Journal, Emerald Group Publishing*, vol. 14, no. 3, pp. 542-565, 2018.
- [6] M. Kostritsa and I. Sittler, "The Impact of Social Norms, Trust, and Fairness on Voluntary Tax Compliance in Austria," *Management, University of Primorska, Faculty of Management Koper*, vol. 12, no. 4, pp. 333-353, 2017.